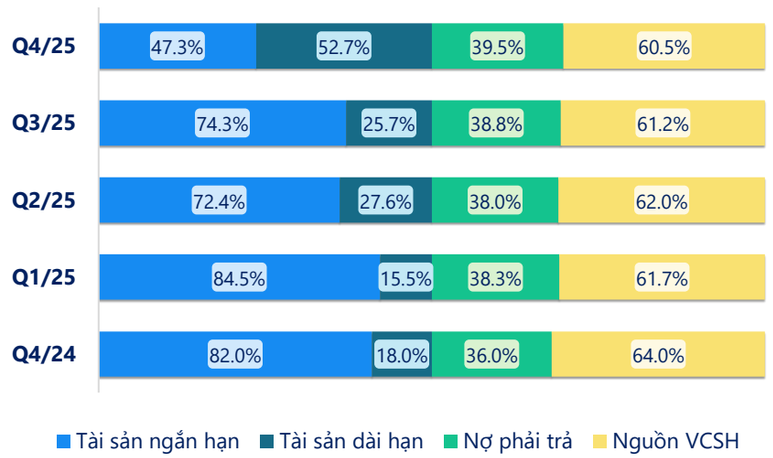
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (HSX: CCL)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,170
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,690
SL cổ phiếu LH	59,581,418
KLGD BQ 20 phiên (CP)	128,185
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	368
P/E	13.4
EPS	460

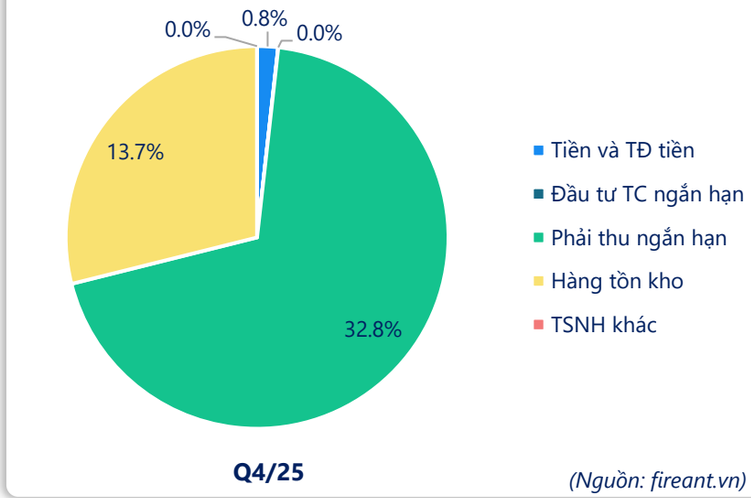
	YTD	1T	3T	6T
CCL	-31.8%	-1.0%	-9.5%	-12.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



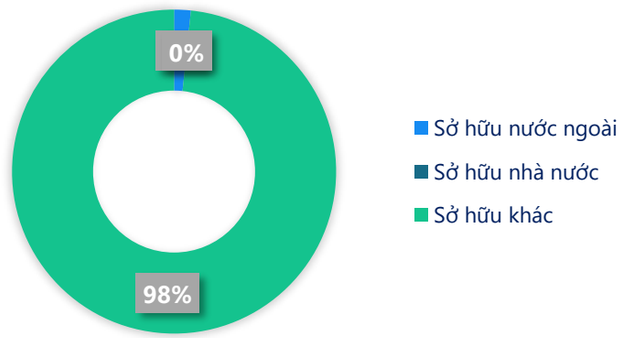
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



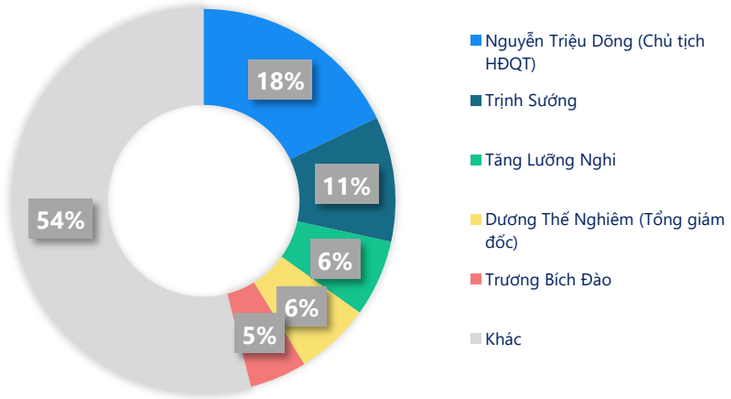
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



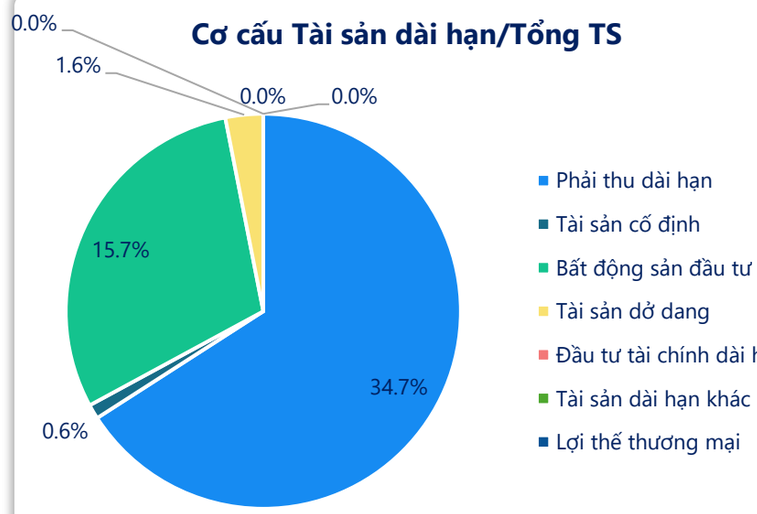
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

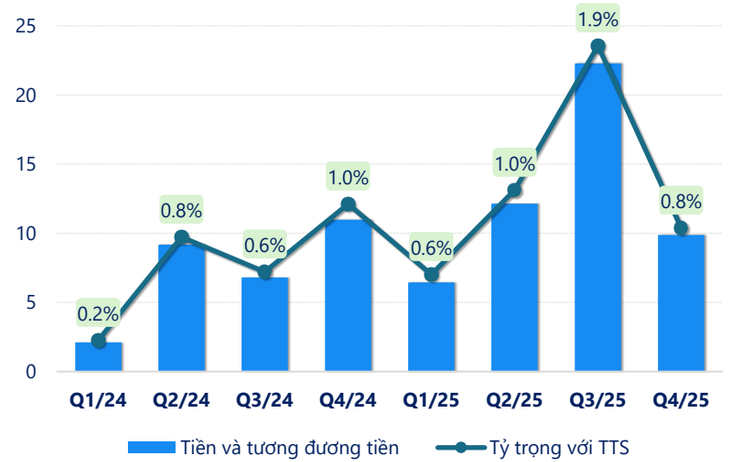


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

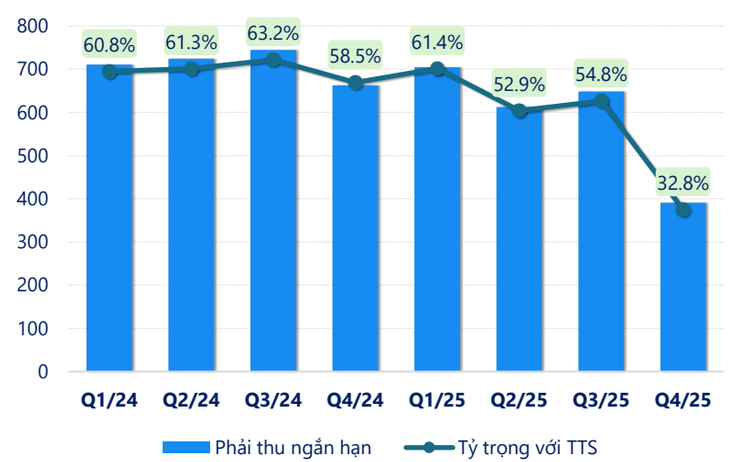
CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (HSX: CCL)

Tiền và tương đương tiền



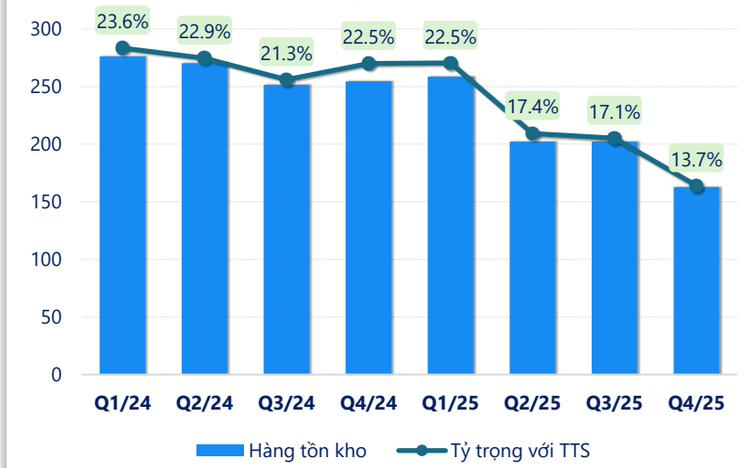
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



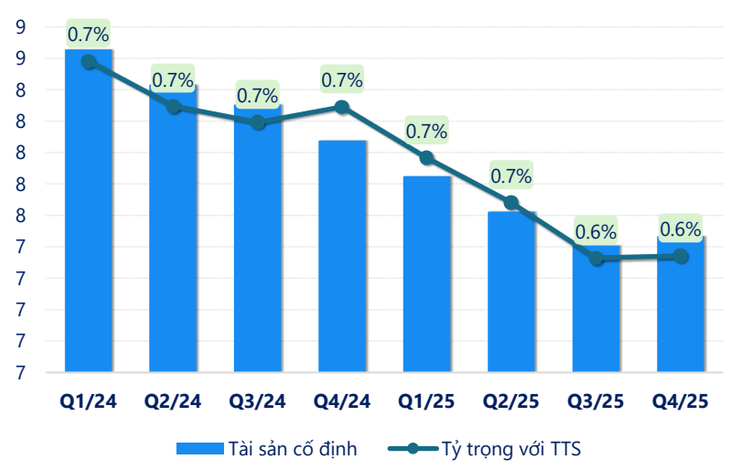
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



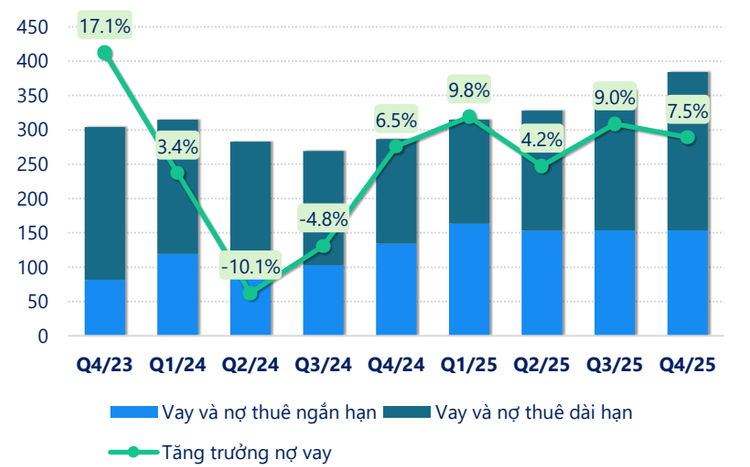
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



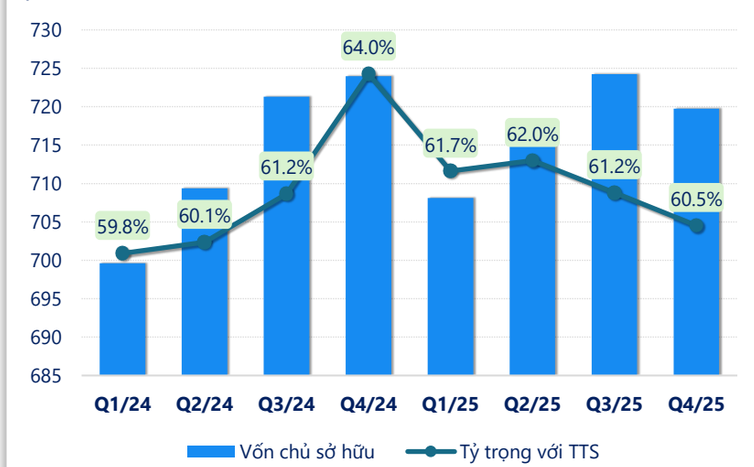
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

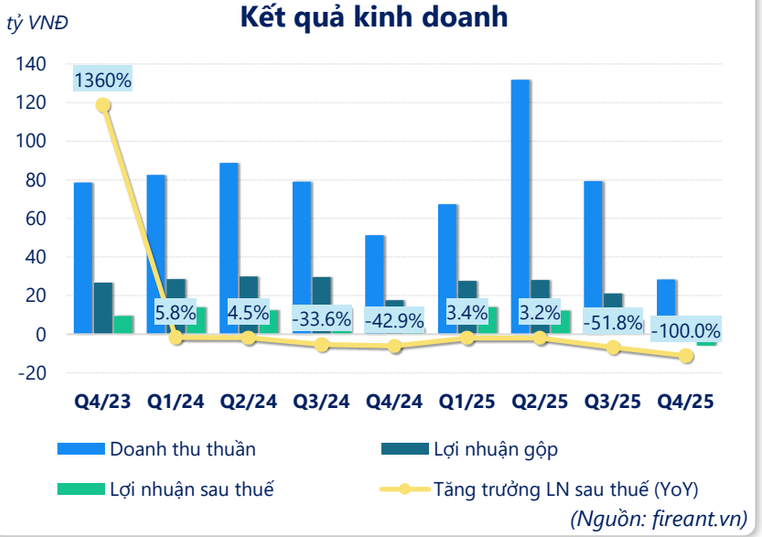
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

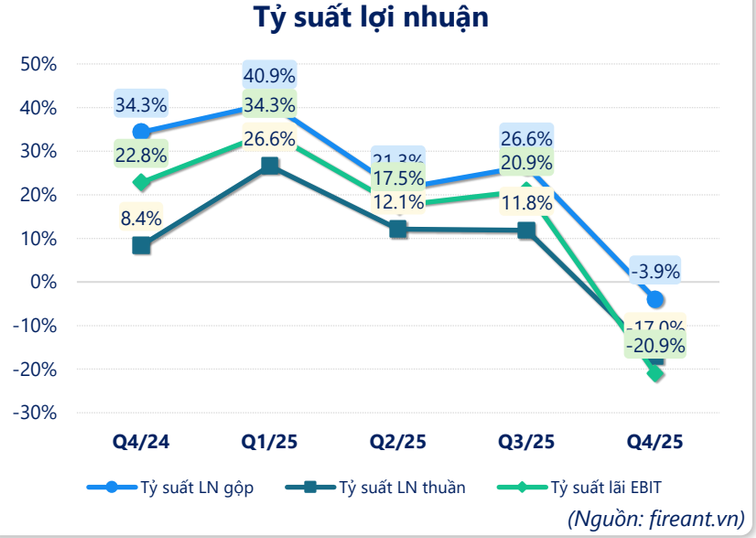
CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (HSX: CCL)

Kết quả kinh doanh



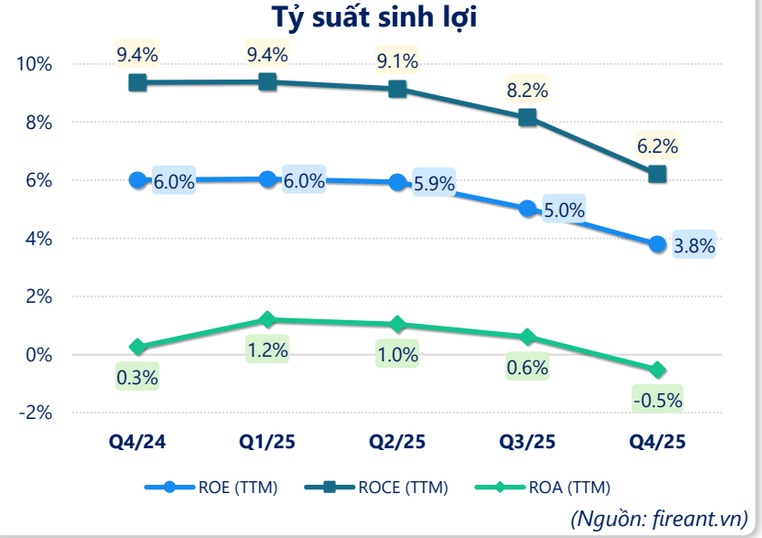
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



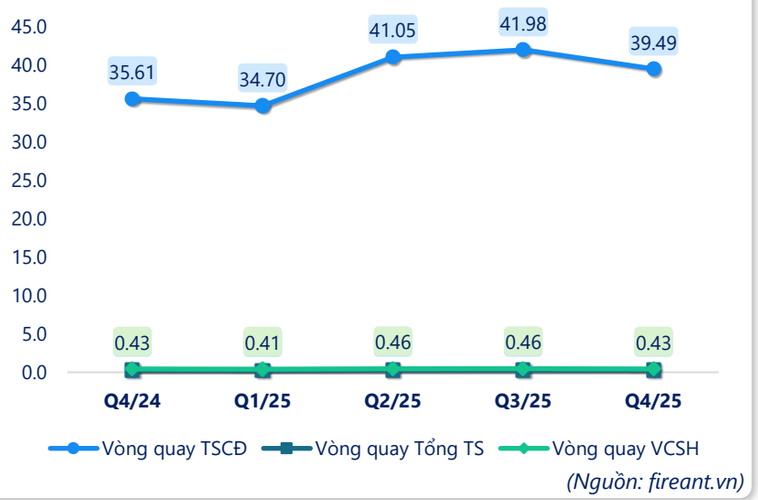
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



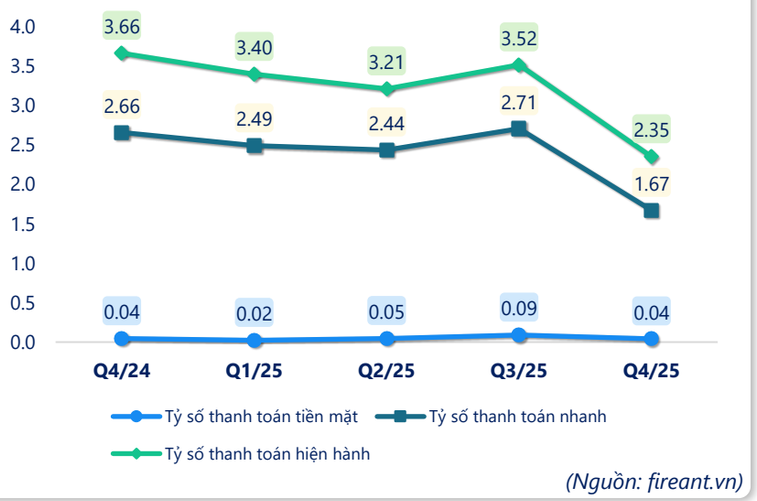
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



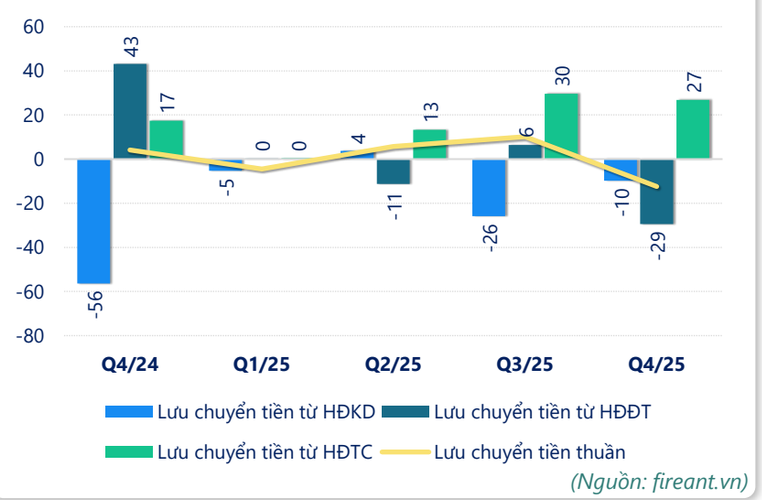
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (HSX: CCL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,190**	**1,132**	**5.2%**
Tài sản ngắn hạn	563	928	-39.3%
Tiền và tương đương tiền	9.88	11.0	-9.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.11	0.02	405%
Phải thu ngắn hạn	390	662	-41.1%
Hàng tồn kho	163	255	-36.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0	
Tài sản dài hạn	**627**	**204**	**208%**
Phải thu dài hạn	413	62.8	559%
Tài sản cố định	7.47	8.08	-7.5%
Bất động sản đầu tư	187	30.2	519%
Tài sản dở dang	19.4	103	-81.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.02**	**0.13**	**-85.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	470	409	15.0%
Nợ ngắn hạn	**239**	**277**	**-13.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	153	157	-2.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.25	7.48	-43.2%
Nợ dài hạn	231	132	74.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	231	130	77.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**720**	**723**	**-0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**720**	**723**	**-0.4%**
Vốn điều lệ	596	596	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	51.3	67.3	132	79.4	28.4
Giá vốn hàng bán	33.7	39.8	104	58.3	29.5
Lợi nhuận gộp	17.6	27.6	28.1	21.1	-1.12
Doanh thu HĐTC	0.12	0.30	0.11	0.69	0.33
Chi phí TC	10.1	7.70	10.1	10.2	1.75
Chi phí lãi vay	8.03	5.57	7.61	7.51	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.05	0.28	0.45	0.46	0
Chi phí QLDN	2.27	1.98	1.67	1.70	2.28
LN thuần từ HĐKD	4.29	17.9	16.0	9.39	-4.81
Lợi nhuận khác	-0.61	-0.40	-0.56	-0.28	-1.13
LN trước thuế	3.68	17.5	15.4	9.11	-5.94
Lợi nhuận sau thuế	2.99	13.9	12.2	7.23	-5.94
LNST của CĐ cty mẹ	2.99	13.9	12.2	7.23	-5.94

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-56.3	-5.29	3.68	-25.8	-9.79
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	43.1	0.30	-11.3	6.35	-29.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	17.4	0.46	13.3	29.6	26.8
Tiền đầu kỳ	6.80	11.0	6.45	12.2	22.3
Lưu chuyển tiền thuần	**4.18**	**-4.53**	**5.71**	**10.1**	**-12.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.0	6.45	12.2	22.3	9.88

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic